

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2013	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 5 năm 2012.

Trụ sở được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

Đến thời điểm 30/6/2013, Công ty có đầu tư vào 4 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty như sau:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Nguyễn Thi	Chủ tịch HĐQT	
Ông Ngô Văn Lộc	Phó Chủ tịch HĐQT	miễn nhiệm ngày 18/4/2013
Ông Lê Văn Truong	Thành viên HĐQT	
Ông Lê Văn Nam	Thành viên HĐQT	miễn nhiệm ngày 18/4/2013
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên HĐQT	
Bà Võ Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Ngọc Đức	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 18/4/2013
Ông Thân Đức Dương	Thành viên HĐQT	bổ nhiệm ngày 18/4/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên

Chức danh

Bà Nguyễn Ngọc Hạnh

Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Nam

Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC HẠNH



Số: 14.182/BCSX-2013.

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | ctlco@rsm.com.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (cưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 36 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TẶNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÙY PHƯỢNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1191-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		289.932.252.382	307.853.335.560
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	86.609.363.867	76.450.893.455
1. Tiền	111		2.264.363.867	2.064.321.983
2. Các khoản tương đương tiền	112		84.345.000.000	74.386.571.472
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	8.900.000.000	24.900.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.900.000.000	24.900.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	34.029.196.494	39.893.252.471
1. Phải thu khách hàng	131		26.469.805.952	29.508.911.715
2. Trả trước cho người bán	132		601.347.113	378.061.883
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		8.508.835.201	11.557.070.645
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.550.791.772)	(1.550.791.772)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	159.717.133.093	165.277.137.053
1. Hàng tồn kho	141		159.717.133.093	165.277.137.053
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		676.558.928	1.332.052.581
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		403.067.137	565.646.491
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		48.504.348	44.218.043
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		659.483	26.691.080
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		224.327.960	695.496.967

(phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		116.901.338.922	115.236.217.582
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		15.945.348.545	18.973.996.759
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	15.939.348.545	18.916.802.322
+ Nguyên giá	222		22.767.235.322	26.428.854.180
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.827.886.777)	(7.512.051.858)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.6	6.000.000	57.194.437
+ Nguyên giá	228		234.000.000	314.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(228.000.000)	(256.805.563)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	5.7	24.675.421.643	23.771.995.765
+ Nguyên giá	241		47.040.950.986	45.615.173.013
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(22.365.529.343)	(21.843.177.248)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	73.493.828.888	68.438.222.488
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.470.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		87.967.415.554	84.381.809.154
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(15.943.586.666)	(15.943.586.666)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.786.739.846	4.052.002.570
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	2.700.257.371	2.480.138.864
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.10	86.482.475	1.466.293.706
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	105.570.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		406.833.591.304	423.089.553.142

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		114.334.487.274	129.152.865.547
I. Nợ ngắn hạn	310		110.955.443.636	125.969.627.744
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		705.882.353	17.200.000.000
2. Phải trả người bán	312	5.10	1.222.346.560	2.930.890.717
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	948.330.700	8.533.011.647
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	3.469.679.340	3.344.836.572
5. Phải trả người lao động	315		325.573.027	382.881.508
6. Chi phí phải trả	316		220.130.963	113.161.898
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	96.629.422.021	86.719.193.458
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.13	7.434.078.672	6.745.651.944
II. Nợ dài hạn	330		3.379.043.638	3.183.237.803
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.14	3.324.357.531	3.081.344.531
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		54.686.107	101.893.272
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		289.348.075.884	284.064.029.302
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	289.348.075.884	284.064.029.302
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		141.203.090.000	141.203.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95.682.643.118	95.682.643.118
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(13.376.358.507)	(13.917.009.162)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.452.999.472	20.116.168.539
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		23.530.042.519	20.302.454.907
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		18.855.659.282	20.676.681.900
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	5.16	3.151.028.147	9.872.658.292
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		406.833.591.304	423.089.553.142

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.599.286.511	2.599.286.511
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		5.064,80	5.074,59
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THANH NHỰT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2013
TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN NGỌC HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	37.155.801.803	23.683.190.535
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	7.673.499.818	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	29.482.301.985	23.683.190.535
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.706.157.708	10.230.001.261
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.776.144.277	13.453.189.274
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	6.552.806.662	6.838.975.722
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.159.812.945	46.688.476
trong đó, chi phí lãi vay	23		17.333.333	32.249.999
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	214.109.768	334.252.191
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	5.279.516.410	5.881.616.183
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.675.511.816	14.029.608.146
11. Thu nhập khác	31	6.7	3.437.413.184	2.912.795.927
12. Chi phí khác	32	6.8	2.624.535.964	2.436.475.186
13. Lợi nhuận khác	40		812.877.220	476.320.741
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		20.488.389.036	14.505.928.887
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	3.069.563.684	3.278.358.795
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.10	1.379.811.230	(33.169.334)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		16.039.014.122	11.260.739.426
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		522.891.174	162.602.399
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		15.516.122.948	11.098.137.027
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80		1.215	861

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






NGUYỄN THANH NHỰT

QUÁCH TOÀN BÌNH

NGUYỄN NGỌC HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng cung cấp DV & doanh thu khác	01		36.273.425.712	47.446.570.758
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa DV	02		(13.129.151.162)	(19.770.522.688)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.329.564.749)	(5.909.476.392)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(17.333.333)	(32.249.999)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.265.097.027)	(2.941.746.691)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		27.236.001.737	17.049.846.832
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.649.933.238)	(13.574.030.068)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		24.118.347.940	22.268.391.752
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(258.893.745)	(402.562.600)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		5.050.000	10.926.564
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(21.860.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	10.010.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.092.912.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		37.305.600	9.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.259.257.314	5.238.488.531
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		14.949.807.169	1.996.852.495

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

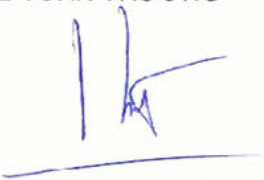
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(4.739.272.445)
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33	6.705.882.353	22.100.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(23.200.000.000)	(23.600.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.415.567.050)	(12.967.659.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.909.684.697)	(19.206.931.445)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	10.158.470.412	5.058.312.802
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	76.450.893.455	34.541.499.336
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	86.609.363.867	39.599.812.138

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THANH NHỰT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC




NGUYỄN NGỌC HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 05 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

Đến 30/6/2013, Công ty có đầu tư vào 4 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Bất động sản

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất.
- Sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trừ chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở), bánh kẹo, rượu, bia, đồ uống (không sản xuất tại trụ sở); chế biến lâm sản (trừ chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất, gia công hàng may mặc, da và giả da, giày dép (trừ: tẩy nhuộm hồ in, thuộc da, tái chế phế thải và không gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở).
- Được phép kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật. Dịch vụ: billard, giải khát (không kinh doanh dịch vụ billard và giải khát tại trụ sở), giặt ủi cao cấp, cầm đồ, sửa chữa điện gia dụng-điện tử hàng hải. Cho thuê nhà trọ (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán và bảo hành hàng kim khí điện máy. Mua bán điện gia dụng, các loại thiết bị-linh kiện điện, điện tử hàng hải, vải sợi, quần áo may sẵn. Trồng rừng. Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. San lấp mặt bằng.
- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, siêu thị, các loại nhà ở phục vụ nhu cầu của nhân dân ở thành phố và đô thị. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Mua bán vàng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê bến bãi. Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa phế thải, sản xuất gốm sứ, thủy tinh tại trụ sở). Sản xuất, gia công các loại bao bì (trừ chế biến gỗ, tái chế nhựa, kim loại, giấy phế thải tại trụ sở). In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán máy móc thiết bị viễn thông, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán gas (không kinh doanh tại trụ sở) và bếp gas. Cho thuê kho. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Giáo dục mầm non. Kinh doanh bất động sản.

(Phần tiếp theo ở trang 12)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.4. Danh sách các công ty con trực tiếp được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%
3.	Công ty TNHH DV Tổng Hợp Sài Gòn Khánh Hội	56 Bến Vân Đồn, P12, Quận 4, Tp. HCM	51%	51%
4.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Quản Lý Cao Ốc Khánh Hội	360B Bến Vân Đồn, P1, Quận 4, Tp. HCM	100%	100%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dư phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Máy móc và thiết bị	07 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định khác	03 năm
+ Phần mềm máy vi tính	05 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà	48 năm
+ Nhà và quyền sử dụng đất	02 - 50 năm
+ Quyền sử dụng đất	40 - 50 năm

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo điều lệ của các công ty và quyết định của Đại hội cổ đông hàng năm.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	245.555.700	728.813.059
Tiền gửi ngân hàng	2.018.808.167	1.335.508.924
Các khoản tương đương tiền	84.345.000.000	74.386.571.472
Tổng cộng	86.609.363.867	76.450.893.455

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn	4.900.000.000	24.900.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	4.000.000.000	-
Tổng cộng	8.900.000.000	24.900.000.000

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	26.469.805.952	29.508.911.715
Trả trước cho người bán	601.347.113	378.061.883
Các khoản phải thu khác	8.508.835.201	11.557.070.645
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	35.579.988.266	41.444.044.243
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.550.791.772)	(1.550.791.772)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	34.029.196.494	39.893.252.471

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn, được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư Khánh Hội 2	410.116.423	1.349.372.131
Phải thu hoạt động bán căn hộ chung cư Khánh Hội 3	5.827.929.494	5.327.305.476
Phải thu hoạt động cho thuê mặt bằng + điện nước chỉ hộ	696.141.019	2.440.465.200
Phải thu hoạt động bán văn phòng	18.010.209.649	18.010.209.649
Phải thu hoạt động kinh doanh dịch vụ	1.525.409.367	1.770.197.040
Phải thu khác	-	611.362.219
Tổng cộng	26.469.805.952	29.508.911.715

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng	307.340.275	335.665.000
Phải thu tiền lãi sử dụng vốn đầu tư	5.420.717.801	3.584.500.535
Phải thu lãi cho vay	-	52.861.110
Phải thu tiền cổ tức	379.891.000	-
Phải thu tiền góp vốn dự án Titco Plaza do dự án không tiếp tục thực hiện nữa	1.471.000.000	1.471.000.000
Phải thu tiền tạm cho vay	-	5.000.000.000
Phải thu khác	929.886.125	1.113.044.000
Tổng cộng	8.508.835.201	11.557.070.645

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1.185.454	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	157.670.299.624	163.227.420.907
Thành phẩm	252.038.099	252.038.099
Hàng hóa	41.091.416	45.159.547
Hàng hóa bất động sản	1.752.518.500	1.752.518.500
Cộng giá gốc hàng tồn kho	159.717.133.093	165.277.137.053
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	159.717.133.093	165.277.137.053

(Phần tiếp theo ở trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	21.366.590.254	744.912.681	2.381.650.603	1.422.300.295	513.400.347	26.428.854.180
Mua trong kỳ	-	-	-	84.938.187	131.862.181	216.800.368
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(67.098.500)	-	(67.098.500)
Thanh lý công ty con	(1.770.128.370)	-	(621.330.517)	(342.017.037)	-	(2.733.475.924)
Giảm khác	(59.876.555)	(118.740.909)	-	(697.694.301)	(201.533.037)	(1.077.844.802)
Số dư cuối kỳ	19.536.585.329	626.171.772	1.760.320.086	400.428.644	443.729.491	22.767.235.322
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.746.160.226	465.377.795	983.633.742	923.950.751	392.929.344	7.512.051.858
Khấu hao trong kỳ	431.579.266	26.513.370	98.323.782	103.179.178	37.096.516	696.692.112
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(67.098.500)	-	(67.098.500)
Thanh lý công ty con	(102.550.898)	-	(221.894.760)	(259.445.260)	-	(583.890.918)
Giảm khác	(59.876.555)	(67.564.103)	-	(468.409.812)	(134.017.305)	(729.867.775)
Số dư cuối năm	5.015.312.039	424.327.062	860.062.764	232.176.357	296.008.555	6.827.886.777
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	16.620.430.028	279.534.886	1.398.016.861	498.349.544	120.471.003	18.916.802.322
Tại ngày cuối kỳ	14.521.273.290	201.844.710	900.257.322	168.252.287	147.720.936	15.939.348.545

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.915.941.183 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	314.000.000
Giảm khác	(80.000.000)
Số dư cuối kỳ	234.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	256.805.563
Khấu hao trong kỳ	13.333.338
Thanh lý, nhượng bán	(42.138.901)
Số dư cuối kỳ	228.000.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	57.194.437
Tại ngày cuối kỳ	6.000.000

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	26.771.693.652	18.843.479.361	45.615.173.013
Mua trong kỳ	-	3.006.361.891	3.006.361.891
Thanh lý công ty con	-	(1.503.380.945)	(1.503.380.945)
Giảm khác	(77.202.973)	-	(77.202.973)
Số dư cuối kỳ	26.694.490.679	20.346.460.307	47.040.950.986
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	18.105.849.340	3.737.327.908	21.843.177.248
Khấu hao trong kỳ	133.638.326	537.876.784	671.515.110
Thanh lý công ty con	-	(85.266.778)	(85.266.778)
Giảm khác	(63.896.237)	-	(63.896.237)
Số dư cuối kỳ	18.175.591.429	4.189.937.914	22.365.529.343
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	8.665.844.312	15.106.151.453	23.771.995.765
Tại ngày cuối kỳ	8.518.899.250	16.156.522.393	24.675.421.643

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	1.470.000.000	-
Đầu tư cổ phiếu	43.161.866.666	42.661.866.666
Đầu tư trái phiếu	337.500.000	337.500.000
Đầu tư dài hạn vào dự án	44.468.048.888	41.382.442.488
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	89.437.415.554	84.381.809.154
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(15.943.586.666)	(15.943.586.666)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	73.493.828.888	68.438.222.488

Đầu tư dài hạn vào dự án được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Dự án Xuân Thới Đông Hóc Môn	42.635.556.168	39.549.949.768
Dự án Chung cư Khánh Hội 3	1.832.492.720	1.832.492.720
Tổng cộng	44.468.048.888	41.382.442.488

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	2.480.138.864	2.261.244.712
Tăng trong kỳ	732.720.131	1.641.592.600
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	(512.601.624)	(576.163.366)
Số dư cuối kỳ	2.700.257.371	3.326.673.946

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	1.222.346.560	2.930.890.717
Người mua trả tiền trước	948.330.700	8.533.011.647
Tổng cộng	2.170.677.260	11.463.902.364

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

(Phần tiếp theo ở trang 21)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	568.913.847	699.464.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.205.722.050	2.401.255.393
Thuế thu nhập cá nhân	188.889.160	90.124.790
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	506.154.283	153.991.418
Tổng cộng	3.469.679.340	3.344.836.572

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	4.009.940	3.372.711
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	16.730.898	14.030.986
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	165.907.000	155.607.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	96.442.774.183	86.546.182.761
Tổng cộng	96.629.422.021	86.719.193.458

Các khoản phải trả phải nộp khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận góp vốn từ đầu tư dự án cao ốc 56 Bến Vân Đồn	51.968.039.922	51.968.039.922
Nhận góp vốn từ đầu tư dự án Chung cư Khánh Hội 4 - Hóc môn	6.809.925.000	6.809.925.000
Cổ tức phải trả cổ đông	31.697.100	6.412.280.000
Phải trả 2% tiền bảo trì căn hộ, lệ phí trước bạ CCKH2	4.928.512.363	4.928.512.363
Phải trả 2% tiền bảo trì căn hộ - khu văn phòng	602.233.639	602.233.639
Phải trả tiền 2% bảo trì căn hộ CCKH3	2.250.944.742	2.127.205.803
Căn hộ tái định cư – CCKH3	8.955.000.000	8.955.000.000
Nhận tiền ứng trước theo hợp đồng chuyển nhượng vốn	20.500.000.000	4.400.000.000
Khác	396.421.417	342.986.034
Tổng cộng	96.442.774.183	86.546.182.761

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	6.745.651.944	7.981.170.033
Trích lập trong kỳ	4.351.864.748	2.453.155.810
Tăng khác	401.100.481	15.470.000
Sử dụng trong kỳ	(4.064.538.501)	(2.422.638.848).
Số dư cuối kỳ	7.434.078.672	8.027.156.995

5.14. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận đặt cọc thuê mặt bằng	3.228.157.531	3.081.344.531
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn khác	96.200.000	-
Tổng cộng	3.324.357.531	3.081.344.531

(Phần tiếp theo ở trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	141.203.090.000	95.682.643.118	(9.603.086.062)	36.492.509.687	14.792.999.812	278.568.156.555
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	31.382.132.486	31.382.132.486
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(4.313.923.100)	-	-	(4.313.923.100)
Trích lập quỹ	-	-	-	3.925.788.302	(6.401.246.633)	(2.475.458.331)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.177.186.000)	(19.177.186.000)
Tăng khác				325.457	79.982.235	80.307.692
Số dư đầu năm nay	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.917.009.162)	40.418.623.446	20.676.681.900	284.064.029.302
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	15.516.122.948	15.516.122.948
Trích lập quỹ	-	-	-	6.647.698.820	(10.999.563.568)	(4.351.864.748)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.384.219.500)	(6.384.219.500)
Thanh lý công ty con	-	-	540.650.655	(57.166.153)	46.637.502	530.122.004
Giảm khác	-	-	-	(26.114.123)	-	(26.114.123)
Số dư cuối kỳ	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.376.358.507)	46.983.041.991	18.855.659.282	289.348.075.884

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phần Nhà Nước	40.073.870.000	40.073.870.000
Vốn góp của các đối tượng khác	101.129.220.000	101.129.220.000
Tổng cộng	141.203.090.000	141.203.090.000

5.15.3. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	14.120.309	14.120.309
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(1.351.870)	(1.351.870)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	12.768.439	12.768.439
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	15.516.122.948	11.098.137.027
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của công ty mẹ	12.768.439	12.892.368
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.215	861

5.15.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	20.676.681.900	14.792.999.812
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	15.516.122.948	11.098.137.027
Trích lập Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	(6.647.698.820)	(3.925.788.302)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.351.864.748)	(2.453.155.810)
Chia cổ tức	(6.384.219.500)	(6.413.951.000)
Thanh lý công ty con	46.637.502	(48.231.820)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	18.855.659.282	13.050.009.907

(Phần tiếp theo ở trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	9.872.658.292	12.359.477.639
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	522.891.174	190.433.148
Hoàn nhập lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho của năm trước	-	(27.830.750)
Phản trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(56.744.002)	(49.889.021)
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	-	(721.674.934)
Thoái vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	(7.187.777.317)	-
Số dư cuối kỳ	3.151.028.147	11.750.516.082

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	22.700.480.164	12.006.878.016
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	12.860.422.615	11.676.312.519
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	1.594.899.024	-
Hàng bán bị trả lại	(7.673.499.818)	-
Doanh thu thuần	29.482.301.985	23.683.190.535

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ	9.472.596.752	8.622.341.025
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	1.645.043.824	1.607.660.236
Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	1.594.899.024	-
Giá vốn hàng bán bị trả lại	(3.006.381.892)	-
Tổng cộng	9.706.157.708	10.230.001.261

(Phần tiếp theo ở trang 26)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.822.998.979	3.288.062.649
Lãi bán hàng trả chậm	90.949.110	498.596.576
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.401.264.308	619.646.028
Lãi sử dụng vốn	2.136.292.265	2.398.920.469
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	33.750.000	33.750.000
Khác	67.552.000	-
Tổng cộng	6.552.806.662	6.838.975.722

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	17.333.333	32.249.999
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	14.438.477
Lỗ do thanh lý công ty con	1.142.479.612	-
Tổng cộng	1.159.812.945	46.688.476

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	70.852.999	133.709.962
Chi phí vật liệu bao bì	2.498.862	5.248.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.876.093	161.085.612
Chi phí bằng tiền khác	5.881.814	34.207.757
Tổng cộng	214.109.768	334.252.191

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.617.198.866	3.240.199.054
Chi phí đồ dùng văn phòng	199.402.923	208.715.162
Chi phí khấu hao TSCĐ	294.173.114	332.728.540
Thuế, phí và lệ phí	324.346.375	147.879.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	505.331.522	777.621.831
Chi phí bằng tiền khác	1.339.063.610	1.174.472.406
Tổng cộng	5.279.516.410	5.881.616.183

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	31.186.364	10.926.564
Tiền điện sử dụng	2.384.014.746	1.967.917.688
Tiền nước và phí bảo vệ môi trường	799.471.843	828.628.995
Khác	222.740.231	105.322.680
Tổng cộng	3.437.413.184	2.912.795.927

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	11.687.501	7.313.956
Tiền điện sử dụng	1.873.574.706	1.761.381.295
Tiền nước và phí bảo vệ môi trường	693.934.887	603.180.028
Chi phí khác	45.338.870	64.599.907
Tổng cộng	2.624.535.964	2.436.475.186

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	20.488.389.036	14.505.928.887
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	75.923.189	2.908.794.504
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(6.982.592.531)	(3.271.999.382)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	13.581.719.694	14.142.724.009
Bao gồm:		
▪ Thu nhập chịu thuế suất 10%	2.172.441.038	1.727.679.704
▪ Thu nhập chịu thuế suất 25%	11.409.278.656	12.415.044.305
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.069.563.684	3.276.529.046
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	-	1.829.749
Tổng cộng	3.069.563.684	3.278.358.795

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong kỳ và kỳ trước được trình bày như sau:

	Lãi chưa thực hiện trong TSCĐ	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.124.634.519	311.840.238	1.436.474.757
Hạch toán vào chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	18.860.544	(48.679.492)	(29.818.948)
Số dư đầu năm nay	1.105.773.975	360.519.730	1.466.293.705
Hạch toán vào chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh trong kỳ	(1.087.438.900)	(292.372.330)	(1.379.811.230)
Số dư cuối kỳ	18.335.075	68.147.400	86.482.475

6.11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.301.691.577	1.516.072.383
Chi phí nhân công	6.576.595.871	8.230.950.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.500.959.589	1.264.311.665
Chi phí dịch vụ mua ngoài	745.655.445	15.765.038.415
Chi phí khác bằng tiền	1.626.553.375	2.673.943.460
Tổng cộng	11.751.455.857	29.450.316.866

7. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Kỳ này

Thanh lý công ty con:

▪ Tổng giá trị thanh lý	9.455.031.612
▪ Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền và tương đương tiền	8.312.552.000
▪ Số tiền thực có trong công ty con	6.638.076.821
▪ Phần giá trị tài sản và nợ phải trả không phải là tiền hoặc tương đương tiền trong công ty con	9.404.863.256

Tổng cộng **33.810.523.689**

(Phần tiếp theo ở trang 29)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh bất động sản (bán căn hộ chung cư, văn phòng, cho thuê mặt bằng chung cư)
- Sản xuất chế biến lâm sản
- Dịch vụ giáo dục mầm non
- Dịch vụ tư vấn thiết kế xây dựng
- Dịch vụ môi giới bất động sản
- Mua bán vật liệu xây dựng
- Dịch vụ chung cư
- Hoạt động khác

(Phần tiếp theo ở trang 30)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: triệu đồng

	Kinh doanh bất động sản	Giáo dục mầm non	Môi giới bất động sản	Dịch vụ chung cư	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu							
Từ khách hàng bên ngoài	14.206	5.399	150	7.848	-	1.879	29.482
Tổng cộng	14.206	5.399	150	7.848	-	1.879	29.482
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả của bộ phận	9.428	2.688	150	2.051	-	5.459	19.776
Chi phí bán hàng	120	-	160	-	-	(66)	214
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.680	768	149	680	2	-	5.279
Thu nhập tài chính	8.928	225	236	58	176	(3.070)	6.553
Chi phí tài chính	1.117	-	-	-	-	43	1.160
Thu nhập khác	3.298	27	6	75	31	-	3.437
Chi phí khác	2.580	1	-	44	-	-	2.625
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.157	2.171	83	1.460	205	2.412	20.488
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.420	217	21	368	43	-	3.069
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	1.380	1.380
Lợi nhuận sau thuế	11.737	1.954	62	1.092	162	1.032	16.039
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	64	14	445	523
Lợi nhuận thuần	11.737	1.955	62	1.028	148	587	15.516

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/6/2013

Đơn vị tính: triệu đồng.

	Kinh doanh bất động sản	Giáo dục mầm non	Môi giới bất động sản	Dịch vụ chung cư	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Các thông tin khác							
Tài sản của bộ phận	398.048	19.491	6.231	4.435	6.461	(27.832)	406.834
Tổng tài sản hợp nhất	398.048	19.491	6.231	4.435	6.461	(27.832)	406.834
Nợ phải trả của bộ phận	112.080	1.336	121	1.286	31	(519)	114.335
Tổng nợ phải trả hợp nhất	112.080	1.336	121	1.286	31	(519)	114.335
Chi phí mua sắm tài sản	75	66	-	10	-	-	151
Chi phí khấu hao	958	367	9	44	4	13	1.395

(Phần tiếp theo ở trang 32)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: triệu đồng.

	Kinh doanh bất động sản	Giáo dục mầm non	Tư vấn thiết kế xây dựng	Môi giới bất động sản	Mua bán vật liệu xây dựng	Dịch vụ chung cư	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu									
Từ khách hàng bên ngoài	12.828	4.582	1.757	244	1.930	6.690		(4.348)	23.683
Tổng cộng	12.828	4.582	1.757	244	1.930	6.690		(4.348)	23.683
Kết quả hoạt động kinh doanh									
Kết quả của bộ phận	9.093	2.012	445	244	160	1.827		(326)	13.455
Chi phí bán hàng	99	-	-	196	105	-		(66)	334
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.716	508	480	214	481	589	22	(128)	5.882
Thu nhập tài chính	7.920	205	13	307	623	72	354	(2.655)	6.839
Chi phí tài chính	43	-	3	2	-	-	1	(3)	47
Thu nhập khác	2.821	24	29	3	6	45	-	(15)	2.912
Chi phí khác	2.419	6	-	-	3	24	-	(15)	2.436
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.557	1.727	4	142	200	1.331	331	(2.784)	14.507
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.595	173	1	36	50	341	83	-	3.279
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	33	33
Lợi nhuận sau thuế	10.960	1.554	3	106	150	990	248	(2.751)	11.261
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	1	-	68	-	121	28	162
Lợi nhuận thuần	10.960	1.554	2	106	82	990	126	(2.723)	11.098

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/6/2012

Đơn vị tính: triệu đồng.

	Kinh doanh bất động sản	Giáo dục mầm non	Tư vấn thiết kế xây dựng	Môi giới bất động sản	Mua bán vật liệu xây dựng	Dịch vụ chung cư	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Các thông tin khác									
Tài sản của bộ phận	394.635	18.175	13.168	6.245	9.624	6.298	3.761	(44.033)	407.873
Tổng tài sản hợp nhất	394.635	18.175	13.168	6.245	9.624	6.298	3.761	(44.033)	407.873
Nợ phải trả của bộ phận	116.633	620	3.095	107	406	50	764	(1.564)	120.111
Tổng nợ phải trả hợp nhất	116.633	620	3.095	107	406	50	764	(1.564)	120.111
Chi phí mua sắm tài sản	437	27	-	-	-	70	-	-	534
Chi phí khấu hao	931	354	146	13	17	36	7	-	1.504

(Phần tiếp theo ở trang 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

9. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị của Công ty	289.000.000	347.500.000
Thu nhập Ban điều hành của Công ty	517.104.000	615.890.753
Tổng cộng	806.104.000	963.390.753

10. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.609.363.867	76.450.893.455
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.047.958.381	39.515.190.588
Đầu tư ngắn hạn	8.900.000.000	24.900.000.000
Đầu tư dài hạn	73.493.828.888	68.438.222.488
Tổng cộng	202.051.151.136	209.304.306.531
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	705.882.353	17.200.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	72.841.997.430	74.243.793.204
Chi phí phải trả	220.130.963	113.161.898
Tổng cộng	73.768.010.746	91.556.955.102

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	01/01/2013	30/6/2013	01/01/2013
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	64.970,9	71.180,90	5.064,80	5.074,59

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì khách hàng phải thanh toán trước theo giá trị thỏa thuận trên hợp đồng.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

30/6/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	69.517.639.899	3.324.357.531	72.841.997.430
Chi phí phải trả	220.130.963	-	220.130.963
Các khoản vay	705.882.353	-	705.882.353
01/01/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	71.162.448.673	3.081.344.531	74.243.793.204
Chi phí phải trả	113.161.898	-	113.161.898
Các khoản vay	17.200.000.000	-	17.200.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.047.958.381	-	33.047.958.381
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	8.900.000.000	73.493.828.888	82.393.828.888
01/01/2013			
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.515.190.588	-	39.515.190.588
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	24.900.000.000	68.438.222.488	93.338.222.488

11. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 29 tháng 7 năm 2013.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THANH NHỰT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC HẠNH

